

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-TNMT ngày 19/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc, địa chỉ trụ sở chính tại tổ dân phố 4, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng Tổ hợp dịch vụ, thương mại và khách sạn lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên”, địa chỉ tại lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Tổ hợp dịch vụ, thương mại và khách sạn lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 2400846506 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/8/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400846506.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Thương mại, dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện Lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 2.536 m².

- Quy mô: Hoạt động thương mại dịch vụ (lưu trú, kinh doanh ăn uống, vui chơi giải trí...).

- Công suất của dự án đầu tư: Dự án xây dựng trên lô đất có tổng diện tích 2.536m² gồm 01 tầng hầm và 12 tầng nổi với quy mô 167 phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Xây dựng Tổ hợp dịch vụ, thương mại và khách sạn lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên” tại lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án và khách hàng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 105 m³/ngày.đêm của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của Khu đô thị Đình Trám- Sen Hồ, huyện Việt Yên, hố ga nằm phía Tây Nam dự án, cách lối đi vào tầng hầm 20m, nằm ngoài hàng rào.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰): X = 2352 133; Y = 407 879.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 105 m³/ngày tương đương khoảng 4,6 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án công suất 105 m³/ngày.đêm được xả theo phương thức bơm vào đường ống PVC200 vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi hệ thống thu gom nước thải của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, (cột A))
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (Tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa từ mái các công trình được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nước mưa thu trên mái chảy qua lưới chắn rác rồi thu vào các ống đứng, phễu thu nước mưa từ mái bằng ống nhựa PVC D110. Nước từ hệ thống này dẫn vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom vào hệ thống cống riêng. Trên chiều dài và những chỗ ngoặt của hệ thống thu dẫn nước mưa có lắp đặt song chắn rác, xây các hố ga để thu chặn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận. Các chất chặn lắng này được dự án thường xuyên nạo vét đảm bảo cho hệ thống thoát nước mưa hoạt động tốt. Ống thoát nước mưa là loại cống BTCT D200, D400 chịu áp lực cao nhằm tránh các tác động cơ học làm hư hại ống. Độ dốc tối thiểu là min = 0,5%, tổng chiều dài đường ống khoảng 168m.

- Hố ga thu nước mưa: Nước mưa chảy tràn bề mặt chảy vào đường ống thoát nước mưa và thu về các hố ga thu nước 1000x1200mm. Tổng số hố ga 05 hố.

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ các chậu rửa, bồn tắm và phễu thu nước sàn được thu vào các ống đứng dẫn nước thải rửa D76 dẫn vào bể xử lý nước thải. Sau khi xử lý tự chảy vào hệ thống thoát nước thải bên ngoài.

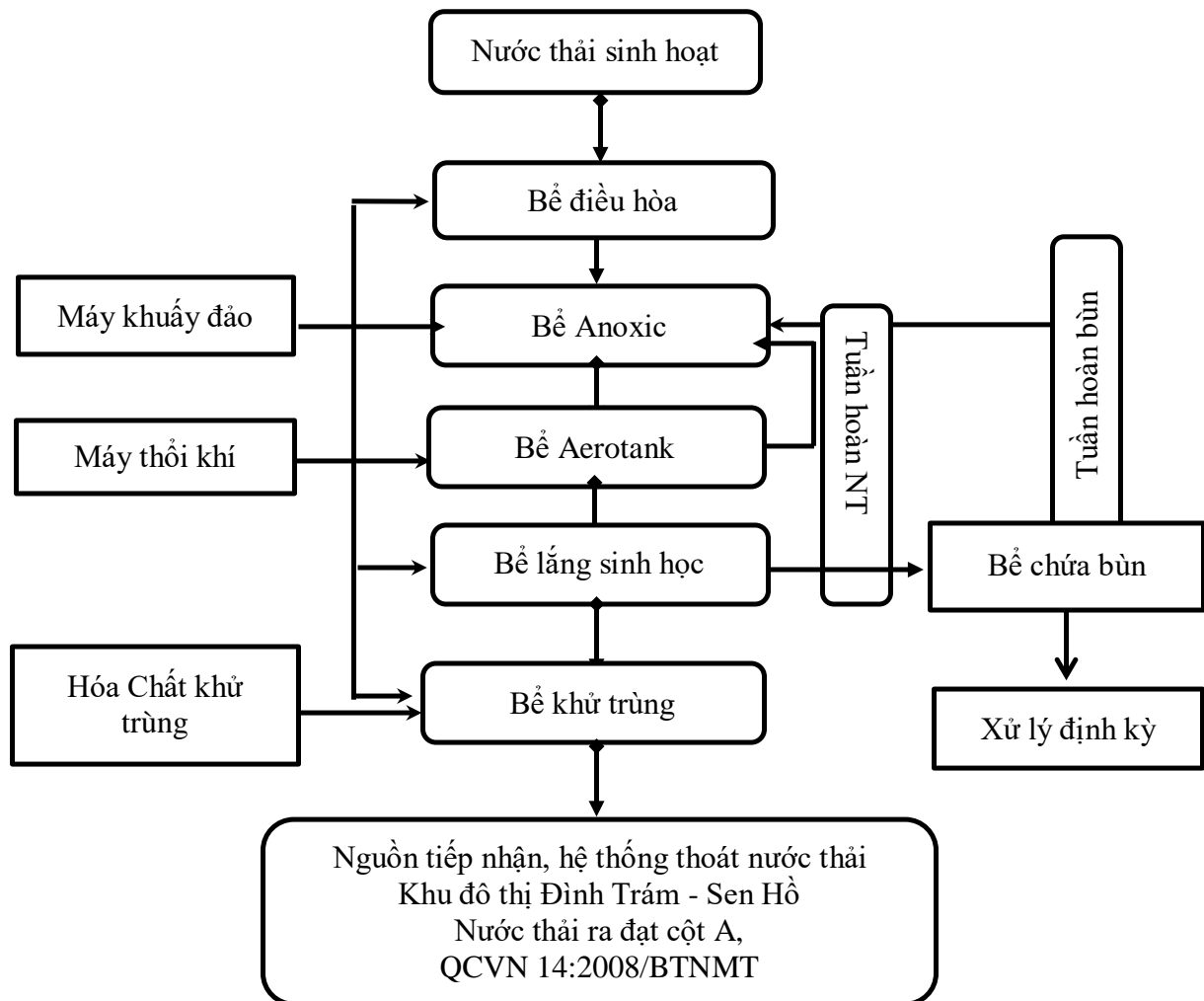
- Nước thải từ các chậu xí, âu tiểu được gom vào ống đứng thoát nước xí D110, D160 dẫn vào bể xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý.

- Nước thải từ các chậu rửa bếp được thu gom vào ống đứng thoát nước rửa bếp D110 rồi dẫn vào bể thu mỡ, nước sau bể thu mỡ tự chảy vào hệ thống xử lý.

- Nước thải từ máy giặt được thu gom vào ống đứng thoát nước máy giặt D110, D200 rồi dẫn vào hệ thống xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 105 m³/ngày.đêm theo sơ đồ sau:



- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 105 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol: 600 kg/năm; Javen: 120 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.

- Định kỳ 06 tháng/lần, tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao

như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác, ... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

* Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn:

- Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2024 đến tháng 03/2024

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 105m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 105m³/ngày.đêm.

2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào (Nước thải trước xử lý) - lấy 01 lần	- Tiến hành lấy mẫu 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian: Tháng 03/2024.	Lưu lượng, pH, tổng chất rắn lơ lửng, BOD ₅ , tổng chất rắn hòa tan, Nitrat, amoni (tính theo N), sunfua, tổng chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động, thực vật, phosphat (tính theo P), coliform.	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, C _{max})
2	01 vị trí tại hố ga chứa nước thải sau xử lý trước khi chảy vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu đô thị - lấy 03 lần			

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Phương tiện giao thông di chuyển vào khu vực dự án.
- Nguồn số 2: Khu vực vui chơi, giải trí, phòng chức năng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ vị trí phát sinh 1 (tầng hầm) (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰): X = 2352 143; Y = 407 592.
- Tọa độ vị trí phát sinh 2 (khu dịch vụ) (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰): X = 2352 145; Y = 407 588.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.
- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực có độ rung cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Danh mục chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	5
2	Pin thải, ắc quy thải	35
3	Dầu cặn thải	75
4	Giẻ lau dính dầu	5
Tổng		120

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp trong quá trình hoạt động của dự án.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	329,7
2	Bùn dư từ bể xử lý sơ bộ	13,1
3	Cặn từ bể tách dầu	1,2
4	Bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải	12
Tổng		356

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ dự án phân loại, thu gom, lưu giữ vào các thùng chứa dung tích 150 lít, dán mã số tương ứng với từng loại bên ngoài thùng đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Kho chứa chất thải nguy hại gồm 01 kho có diện tích 3m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho tường được xây dựng bằng gạch, mái bán tôn, nền đổ bê tông, bên ngoài dán biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp, vì vậy chủ dự án không bố trí kho chứa chất thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 120 lít, đặt tại các tầng, khuôn viên trong dự án. Các loại chất thải rắn này sẽ được thu gom hàng ngày .

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải diện tích: 05m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải thông thường: Kho tường được xây dựng bằng gạch, mái bán tôn, nền đổ bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 618/TTr-TNMT ngày 19/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.